



Working Paper 2022.2.2.06
- Vol 2, No 2

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG THAM GIA HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Trương Thị Ngọc¹, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Hoàng Hương Trà, Phùng Thị Ngọc Thảo,
Phạm Thị Nga

Sinh viên K58 Tiếng Anh thương mại – Khoa Tiếng Anh thương mại
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trước tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch Covid - 19, học trực tuyến trở thành một phương thức học tập của sinh viên cả nước nói chung và sinh viên khoa Tiếng Anh thương mại của trường Đại học Ngoại thương nói riêng. Hiện nay, tuy tình hình dịch bệnh có chiều hướng giảm, các biện pháp giãn cách cũng được gỡ bỏ thì học trực tuyến lại trở thành một phương thức hữu ích được linh hoạt tích hợp vào chương trình giảng dạy của trường Đại học Ngoại thương. Đặc biệt với khoa TATM, sinh viên vẫn còn gặp những trở ngại với những vấn đề xoay quanh học trực tuyến. Xuất phát từ vấn đề này, nhóm sinh viên K58 - Tiếng Anh thương mại đã chọn đề tài: “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thương mại trường Đại học Ngoại thương trong bối cảnh đại dịch Covid-19” làm đề tài nghiên cứu. Đề tài nghiên cứu là những phân tích tổng quát về các nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên khoa TATM của Đại học Ngoại thương. Kết quả nghiên cứu của đề tài về những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia lớp học trực tuyến sẽ giúp sinh viên, khoa Tiếng Anh thương mại và Nhà trường hiểu hơn về các yếu tố gây trở ngại cũng như yếu tố thúc đẩy sự hứng thú và sẵn sàng tham gia một lớp học trực tuyến của sinh viên. Từ đó tìm ra những giải pháp khắc phục hoặc khuyến khích phát huy để nâng cao chất lượng học tập sinh viên của khoa TATM nói riêng và trường Đại học Ngoại thương nói chung.

Từ khóa: Học trực tuyến, nhân tố ảnh hưởng, khả năng tham gia học trực tuyến, sinh viên Tiếng Anh Thương mại, COVID – 19.

¹ Tác giả liên hệ, Email: k58.1917710108@ftu.edu.vn

FACTORS AFFECTING THE ABILITY TO PARTICIPATE IN ONLINE LEARNING OF STUDENTS MAJORING IN BUSINESS ENGLISH AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY GIVEN THE COVID-19 PANDEMIC

Abstract

During the time of the Covid-19 pandemic, online learning has become the only learning method for students nationwide in general and students of the Faculty of Business English (FBE) of Foreign Trade University in particular. Currently, although the pandemic situation has eased off and the lockdown measures have also been removed, online learning has been positioned as a useful and flexible method that is introduced in the curriculum of Foreign Trade University. Especially with FBE faculty, students still face obstacles surrounding online learning. Stemming from this issue, the research team of students K58 - Faculty of Business English, chose the topic: "Factors affecting the ability to participate in online learning of students majoring in Business English at Foreign Trade University given the Covid-19 pandemic" as a research topic. The research is an overall analysis of the factors affecting the ability to participate in online learning of FBE students of Foreign Trade University. The research outcomes will help students, the Business English Faculty and the University better understand the factors that hinder as well as promote students' interest in online learning. Thereby, finding solutions to improve or encourage promotion to improve the learning quality of students of the Business English Faculty in particular and Foreign Trade University in general.

Keywords: Online learning, factors affecting online learning, ability to participate in online learning, Business English students, COVID – 19.

1. Giới thiệu

Đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng đến hầu hết mọi lĩnh vực đời sống, tập trung vào kinh tế, chính trị và văn hóa; Và giáo dục cũng không ngoại lệ. Để đảm bảo an toàn sức khỏe chung, các trường học lần lượt phải đóng cửa và chuyển đổi hình thức học tập từ truyền thống trực tiếp sang trực tuyến. Bên cạnh những thuận lợi mà phương pháp học tập mới này mang lại, người học nói chung và sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại (TATM) tại Trường Đại học Ngoại thương nói riêng cũng gặp không ít khó khăn khi tiếp cận với hình thức học tập trực tuyến này. Chính những khó khăn đó đã thúc đẩy nhóm nghiên cứu tiến hành nghiên cứu khoa học. Với đề tài “*Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thương mại trường Đại học Ngoại thương trong bối cảnh đại dịch Covid-19*”, mục tiêu mà nhóm nghiên cứu đặt ra là xác định, đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đã xác định đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

2. Cơ sở lý thuyết và khái niệm

2.1. Học trực tuyến của sinh viên

2.1.1. Học trực tuyến và quá trình phát triển

Coman & cộng sự (2020) định nghĩa học trực tuyến được xem là hệ thống giảng dạy thông qua các nguồn điện tử cung cấp thông tin đến một lượng lớn người học. Học trực tuyến là việc trao đổi tài liệu, kiến thức thông qua bất kỳ phương tiện điện tử nào như internet, âm thanh/băng video, truyền hình hoặc máy tính (Castro & Tumibay, 2021). Trong khi đó, nghiên cứu “How Many Ways Can We Define Online Learning? A Systematic Literature Review of Definitions of Online Learning (1988-2018)” của Singh & Thurman (2019) đã tổng hợp nhiều định nghĩa khác nhau về học trực tuyến. Tuy nhiên, các định nghĩa đều có những đặc điểm chung nhất định đó là yếu tố công nghệ, thời gian cũng như sự tương tác trong môi trường dạy học. Thứ nhất, nhắc tới học trực tuyến, tác giả miêu tả yếu tố công nghệ là vô cùng cần thiết. Sự khác biệt, hay mở rộng định nghĩa còn tùy theo các kênh giao tiếp, các công cụ điện tử khác nhau được áp dụng trong quá trình dạy học. Thứ hai, xét về mặt thời gian, có hai phương thức học trực tuyến đó là học trực tuyến đồng bộ và học trực tuyến không đồng bộ. Phương thức học trực tuyến đồng bộ đề cập tới khả năng học viên có thể tham gia trực tiếp vào bài giảng trong thời gian thực cùng sự tương tác qua lại với giáo viên. Trái lại, phương thức học trực tuyến không đồng bộ không yêu cầu người học phải truy cập bài giảng vào một thời gian cụ thể, do đó người tham gia không thể tương tác trực tiếp với người giảng dạy và bạn học (Dhawan, 2020).

Học trực tuyến không phải là một hình thức dạy học mới, tuy nhiên những năm trở lại đây mới thu hút nhiều sự chú ý. Các khóa học từ xa đã xuất hiện ngay từ thế kỷ 18, nhưng mãi đến cuối thế kỷ 20 giáo dục trực tuyến mới thực sự phổ biến và phát triển mạnh mẽ (Kentnor, 2015). Qua hơn 300 năm, nhờ sự tiến bộ của cuộc cách mạng kỹ thuật, hình thức dạy học từ xa đã đổi mới với những đặc điểm tiến bộ như giáo dục trực tuyến ngày nay. Vào những năm 90 của thế kỷ 20, các trường đại học và cao đẳng đã bắt đầu thiết lập những chương trình học trực tuyến cho sinh viên. Tuy vậy, những ngôi trường tổ chức hình thức học trực tuyến khi đó vẫn còn nhiều bất cập. Cho tới giai đoạn ngày nay, với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ thông tin, hệ thống giáo dục trực tuyến đã và đang đáp ứng các nhu cầu đa dạng của người học. Đặc biệt, khủng hoảng Covid-19 bùng phát đã làm gia tăng tầm quan trọng của học trực tuyến, rút ngắn quá trình đổi mới trong các mô hình giảng dạy phi truyền thống.

2.1.2. Học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch COVID-19

Trước khi đại dịch COVID diễn ra, hình thức học trực tiếp vẫn được coi là phổ biến đối với nền giáo dục nói chung, bậc đại học nói riêng. Ở Việt Nam, tác động mà đại dịch gây ra ảnh hưởng lớn tới rất nhiều lĩnh vực, trong đó phải kể đến nền giáo dục. Do diễn biến nguy hiểm của đại dịch, chính phủ Việt Nam đã thông báo đóng cửa toàn bộ trường học vào ngày 27/03/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg. Để duy trì và đảm bảo việc giảng dạy cho sinh viên, các trường đại học bắt buộc phải thay đổi hình thức đào tạo cho phù hợp với bối cảnh giãn cách xã hội. Các cơ sở giáo dục đã triển khai những giải pháp khắc phục tình hình thực tế, trong đó, việc áp dụng dạy và học trực tuyến được coi là giải pháp tức thời, mang lại hiệu quả những ngày đầu (Kang & Duong, 2021). Song, do yêu cầu gấp rút dịch chuyển hình thức học truyền thống sang trực tuyến, điều này phần nào gây ra những khó khăn cho sinh viên và giảng viên trong quá trình dạy và học. Giải thích cho

điều này, kết quả phỏng vấn về cảm nhận của sinh viên trong các lớp học trực tuyến trong nghiên cứu của Le & Truong (2021) cho thấy có tới 98,6% sinh viên chưa từng tham gia các khóa học trực tuyến trước đó. Theo Bùi & cộng sự (2021) do thiếu sự trang bị cần thiết, sinh viên còn gặp phải những khó khăn về kỹ thuật như vấn đề kết nối internet, kỹ năng học tập, không gian học tập, hay những rào cản về mặt tâm lý.

2.2. Khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên

2.2.1. Khái niệm về khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên

Khả năng tham gia học tập của sinh viên được dùng để đánh giá sự say mê, sự gắn kết của sinh viên đối với các hoạt động trong môi trường giáo dục (Pagán, 2018). Khả năng tham gia học tập chính là chất kết dính, nhân tố trung gian, giúp liên kết sinh viên với trường học, gia đình và cộng đồng. Những nghiên cứu trước đã phân tích khả năng tham gia học tập của sinh viên từ một khía cạnh tới đa khía cạnh, từ việc tập trung vào hành vi hướng đến phân tích về mặt cảm xúc và nhận thức của người học (Hu & Li, 2017).

Mặc dù khái niệm, lý luận về khả năng tham gia học tập của sinh viên đều bắt nguồn từ kết quả nghiên cứu phương pháp dạy học truyền thống, khả năng tham gia học tập trực tuyến cũng bao hàm những yếu tố tương tự. Khả năng tham gia học trực tuyến dựa trên sự tương tác của sinh viên trong việc sử dụng các nền tảng học trực tuyến, bao gồm khả năng tham gia về mặt hành vi, cảm xúc và nhận thức. Khả năng tham gia học trực tuyến được đánh giá không chỉ qua hành vi như đọc tài liệu, đặt câu hỏi, tham gia các hoạt động tương tác và hoàn thành bài tập, mà quan trọng hơn đó là hoạt động nhận thức của người học. Sinh viên thể hiện nhận thức của mình thông qua nỗ lực trí óc, khả năng chủ động áp dụng kiến thức vào các tình huống, đưa ra lựa chọn sau khi đánh giá các nguồn thông tin có liên quan. Cùng với việc phân tích quá trình nhận thức của sinh viên, khả năng tham gia học trực tuyến còn được đánh giá qua cảm xúc của người học, cảm giác hài lòng đối với thành tích học tập, sự thỏa mãn, tự tin của sinh viên trong các hoạt động tương tác với bạn cùng lớp.

2.2.2. Khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh đại dịch

Đại dịch Covid-19 bùng phát đã làm đảo lộn phương pháp dạy học trong hệ thống giáo dục các cấp, bao gồm bậc đại học, cao đẳng (Salas-Pilco & cộng sự, 2022). Trong suốt thời gian giãn cách xã hội, sinh viên không còn lựa chọn hình thức học tập nào khác ngoài hình thức học trực tuyến. Trong giai đoạn đầu tiếp cận với hình thức học trực tuyến, sinh viên nhận xét có một số trường hợp giảng viên không hiểu được cảm xúc, mức độ tham gia của người học. Tuy vậy, sau một kì học trực tuyến, sinh viên đã có thể làm quen với nền tảng học trực tuyến, đồng thời giảng viên cũng đã biết cách truyền tải nội dung, nâng cao khả năng tham gia học tập cho sinh viên của mình.

Đánh giá tổng quan về khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh đại dịch, khảo sát của Baloran & Hernan (2021) cho thấy sinh viên có khả năng tham gia học trực tuyến tích cực thường xuyên đọc sách và hoàn thành bài tập. Họ là những người có cảm nhận khóa học rất thú vị, biết cách áp dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống. Tuy vậy, việc đo lường khả năng tham

gia học tập còn dựa trên các yếu tố tác động qua lại lẫn nhau trong môi trường học, việc đánh giá chính xác sự tham gia của sinh viên còn cần thêm thời gian nghiên cứu.

2.2.2.1. Khả năng tham gia về mặt hành vi

Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau, song hầu hết các tác giả đều cho rằng khả năng tham gia về mặt hành vi là sự thích thú tham gia vào các hoạt động học tập, xã hội qua việc xem xét cách ứng xử của sinh viên khi thực hiện các hoạt động đó (Nguyễn & cộng sự, 2016). Công trình nghiên cứu của Bowden & cộng sự (2021) đã chỉ rõ các yếu tố cấu thành nên khả năng tham gia về mặt hành vi đó là sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ, đóng góp trong các tiết học, tham gia các hoạt động học tập và ngoại khóa, thời gian bỏ ra cũng như sự kiên trì đối với nhiệm vụ được giao. Hơn nữa trong nghiên cứu này, các tác giả còn chứng minh có mối quan hệ chặt chẽ giữa sự tự tin với khả năng tham gia về mặt hành vi. Cụ thể, khả năng tham gia về mặt hành vi có thể làm tăng sự tự tin, giúp sinh viên tin vào khả năng và giá trị của bản thân, từ đó tạo động lực tích cực giúp họ thực hiện được các mục tiêu đã đặt ra.

Tuy vậy, khả năng tham gia về mặt hành vi vẫn có thể bị suy giảm bởi sự thiếu tập trung và thiếu trách nhiệm (Walker & Koralesky, 2021). Đây chính là hai nguyên nhân khiến cho sinh viên không có hứng thú với hình thức học trực tuyến trong bối cảnh Covid-19. Trên thực tế, sinh viên vẫn còn gặp khá nhiều rào cản như cảm giác lo lắng, khó tập trung vào bài giảng, hay thiếu ý thức chủ động, thái độ sẵn sàng học hỏi khi không có sự tương tác trực tiếp với giảng viên. Do đó, để cải thiện khả năng tham gia về mặt hành vi, giảng viên cần phải khuyến khích sinh viên tham gia tích cực hơn vào các hoạt động, xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập phù hợp, tạo điều kiện cho sinh viên phát triển toàn diện (Bowden & cộng sự, 2021).

2.2.2.2. Khả năng tham gia về mặt cảm xúc

Theo nghiên cứu của Bowden & cộng sự (2021) khả năng tham gia về mặt cảm xúc bao gồm những cảm giác hạnh phúc, vui vẻ, phấn chấn, tự hào, thích thú, tò mò trong trải nghiệm học tập. Các tác giả cũng nhấn mạnh cảm xúc là yếu tố quyết định tới năng lực của sinh viên (bao gồm ý thức về mục đích, niềm tự hào, sự tự tin và cách kiểm soát bản thân) cũng như khả năng học tập chuyển hóa (suy nghĩ chín chắn, độc lập, tin vào bản thân và những người khác).

Việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến cảm xúc sẽ giúp sinh viên tăng khả năng học trực tuyến, giải quyết được những rào cản về tâm lý, áp lực học tập trong bối cảnh dịch bệnh. Bowden & cộng sự (2021) đã chứng minh cảm giác gắn bó và kỳ vọng là hai yếu tố chính tác động đến sự hứng thú của sinh viên trong quá trình học trực tuyến. Sự gắn bó ở đây biểu hiện khi sinh viên tự hào về ngôi trường theo học, khi đó họ sẽ cảm thấy vui vẻ, thích thú với những hoạt động của trường, có quyết tâm để hoàn thành những mục tiêu, và mong muốn đóng góp cho trường nhiều thành tựu hơn. Trong khi đó, yếu tố kỳ vọng được nhắc tới trong nghiên cứu cũng có mối quan hệ mật thiết tới khả năng tham gia học. Vì khi nhà trường đáp ứng được các kỳ vọng cần thiết của sinh viên, học viên sẽ có được sự hài lòng, thích thú và động lực tích cực để đạt được các mục tiêu học tập của mình.

2.2.2.3. Khả năng tham gia về nhận thức

Yundayani & cộng sự (2021) đã định nghĩa khả năng tham gia về mặt nhận thức đề cập tới tính ham học, khả năng đối mặt với những rào cản tâm lý, cũng như năng lực kiểm soát suy nghĩ. Malan (2020) cho rằng khả năng tham gia về mặt nhận thức trong hình thức học trực tuyến không có sự khác biệt so với hình thức học trực tiếp. Do đó, điều quan trọng là sinh viên phải tự chủ động trong việc học trong bất cứ môi trường học tập nào. Tuy vậy, so với việc học truyền thống trước kia thì hình thức học trực tuyến lại mang tới cho người học nhiều cơ hội phát triển khả năng tham gia về mặt nhận thức hơn. Bên cạnh việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, việc cải thiện khả năng tham gia còn đòi hỏi giảng viên phải nỗ lực nghiên cứu kiến thức và phát triển các kỹ năng mới (Yundayani & cộng sự, 2021).

Tóm lại, trong nghiên cứu, khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên được xem là sự gắn kết, tương tác với nội dung, giảng viên, tập thể và các nhiệm vụ học tập; được thể hiện thông qua các khía cạnh về hành vi, cảm xúc và nhận thức của người tham gia lớp học trực tuyến.

2.2.3. Vai trò của khả năng tham gia học trực tuyến đối với chất lượng học tập của sinh viên

Giáo dục trực tuyến phát triển theo xu hướng lấy người học làm trung tâm, do đó sự tham gia và hứng thú của học viên là yếu tố vô cùng quan trọng. Khả năng tham gia của sinh viên sẽ quyết định tới quá trình và kết quả giảng dạy trực tuyến (Hu & cộng sự, 2016). So với hình thức học truyền thống, việc mất đi tính tương tác trực tiếp giữa học viên với giảng viên khiến cho sự hứng thú của sinh viên tác động rất lớn tới chất lượng đầu ra của hình thức học trực tuyến.

Nghiên cứu của Ahshan (2021) chỉ ra rằng sinh viên có mức độ tham gia học trực tuyến tích cực sẽ có thái độ, cảm xúc và hành động mang tính chất xây dựng và tương tác với những người khác. Với các kỹ năng, hiệu suất học tập và cảm xúc của mình, họ cảm thấy hài lòng về nội dung học cũng như giảng viên và các bạn cùng lớp. Ngoài ra, vai trò của khả năng tham gia học của sinh viên có thể được biểu hiện qua sự tương tác giữa sinh viên với nội dung học, sinh viên với giảng viên và sinh viên với nhau trong các lớp học trực tuyến. Khi người học có thể tương tác với bài học, họ sẽ dễ dàng tiếp thu kiến thức, trau dồi được kỹ năng chuyên môn mà khóa học đề ra. Bên cạnh đó, sự tương tác giữa sinh viên với giảng viên và các bạn trong lớp còn giúp khích lệ, tạo động lực cho sinh viên cũng như loại bỏ cảm giác cô độc khi học trực tuyến.

Khả năng tham gia học tích cực sẽ dẫn tới sự cải thiện rõ rệt về kết quả kiểm tra tốt (Ahshan, 2021), niềm đam mê trong việc tiếp thu kiến thức mới (Shappie & Debb, 2019), phát huy nhu cầu phát triển bản thân cho cuộc sống sau đại học, phát triển đạo đức cho mỗi sinh viên (Chen và Chan, 2022). Tuy vậy, để sinh viên có thể chủ động tham gia vào các lớp học trực tuyến, thì cảm giác thoải mái, an toàn của mỗi cá nhân vẫn nên được cân nhắc. Khi ấy, kế hoạch giảng dạy cùng những công cụ phục vụ quá trình học trực tuyến sẽ phần nào giúp sinh viên giải tỏa áp lực học tập, gia tăng khả năng tham gia học tập (Kordrostami & Seitz, 2021).

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên

Có thể thấy học trực tuyến mang lại rất nhiều lợi ích cho sinh viên với tính linh hoạt trong thời gian và phương pháp học tập, tiết kiệm chi phí cùng với kho tài liệu khổng lồ. Tuy vậy, việc áp

dụng mô hình học tập mới này vẫn còn mang lại những rào cản nhất định do các nhân tố chủ quan và khách quan gây ra.

2.3.1. Các nhân tố chủ quan

Theo kết quả nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên khi trải nghiệm học tập trực tuyến (Thanh & cộng sự, 2020) cho thấy các nhân tố chủ quan chính ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến là tâm lý chưa sẵn sàng, cũng như do thói quen học truyền thống của sinh viên đòi hỏi cần nhiều thời gian để làm quen với hình thức dạy học mới này. Phong cách học tập của sinh viên cũng tác động nhiều tới trải nghiệm, khả năng tham gia các lớp học trực tuyến (Yang, 2021). Những sinh viên tham gia học tập tích cực thường có phong cách học tập tự chủ, với sở thích học độc lập, đồng thời có thể tự định hướng, kiểm soát và điều chỉnh việc học của mình. Ngoài ra, những hạn chế về thông tin, kỹ năng sử dụng công nghệ của sinh viên... cũng là rào cản lớn trong quá trình tham gia các lớp học trực tuyến (Li & Zhang, 2021). Bên cạnh đó, nghiên cứu của Bùi & cộng sự (2021) còn chỉ ra một khó khăn không nhỏ của sinh viên trong các lớp học trực tuyến đó là sự thiếu tương tác (25% sinh viên thiếu kỹ năng tương tác với giảng viên). Các yếu tố chủ quan trên được xem là có ảnh hưởng nhất tới khả năng tham gia học trực tuyến, dẫn tới việc triển khai chương trình học trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

2.3.2. Các nhân tố khách quan

Bên cạnh các vấn đề về mặt tâm lý, trình độ kỹ năng của sinh viên, còn một số những rào cản từ các nhân tố khách quan gây ra cũng tác động không nhỏ tới hiệu quả học tập trong bối cảnh đại dịch. Nhiều sinh viên phàn nàn rằng những tác nhân gây nhiễu từ môi trường học ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng tham gia lớp học trực tuyến. Một số người còn giải thích những quy định, thói quen nề nếp trong gia đình làm giới hạn thời gian nghiên cứu, hoàn thành bài tập đầy đủ (Kalman & cộng sự, 2020). Ngoài ra, có rất nhiều nghiên cứu đều cho rằng yếu tố kỹ thuật là rào cản lớn nhất ảnh hưởng tới khả năng tham gia học trực tuyến (Bahrudin & Febriani, 2020; Kanik, 2020; Finnegan, 2021; Yang, 2021). Thực tế, còn bộ phận sinh viên không thể tiếp cận với việc học trực tuyến do thiếu hụt các thiết bị điện tử hỗ trợ học tập, điều kiện học tập khó khăn (Bawaneh, 2021). Cùng với đó là vấn đề đường truyền mạng khiến cho việc truy cập các nền tảng học còn chập chờn, lỗi trong việc kiểm tra và tương tác (Ojo, 2020; Finnegan, 2021).

Từ việc phân tích các yếu tố trên hay nói cách khác là phân tích thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên, nghiên cứu sẽ đề xuất một số biện pháp góp phần tháo dỡ những rào cản, khắc phục những trở ngại mà sinh viên gặp phải trong quá trình học trực tuyến.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu và đánh giá các nhân tố tác động đến khả năng tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thương mại tại Đại học Ngoại thương trong bối cảnh đại dịch COVID-19.
- Mục tiêu cụ thể:

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM tại ĐHNT trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- Chỉ ra mức độ tác động của các nhân tố đã xác định đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

4. Câu hỏi nghiên cứu

- Những nhân tố nào ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên khoa TATM?
- Mức độ ảnh hưởng của những nhân tố đó như thế nào?
- Những đề xuất giải pháp gì có thể đưa ra nhằm nâng cao khả năng tham gia của sinh viên khoa TATM vào một lớp học trực tuyến?

5. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để đạt được mục tiêu nghiên cứu và trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu của chuyên đề. Phương pháp nghiên cứu định tính trong chuyên đề này nhằm: phân tích, so sánh, tổng hợp ý kiến, câu trả lời của sinh viên chuyên ngành TATM trường ĐHNT thông qua phỏng vấn với câu hỏi mở trên nền tảng trực tuyến để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng học trực tuyến của sinh viên khi phải chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến.

5.1. Đặc điểm của phương pháp nghiên cứu định tính

Phương pháp nghiên cứu định tính qua phương pháp phỏng vấn sâu không chỉ giúp thu thập được thông tin chi tiết và cụ thể về đối tượng để xây dựng cơ sở lý thuyết, lý luận và mở rộng đề tài nghiên cứu mà còn mang tính giải thích vì nó tập trung vào các định nghĩa khác nhau có tầm quan trọng như nhau đối với phân tích. Điều này giúp giải thích các kết quả tổng quát, không có định nghĩa chính xác hoặc phổ quát cho tất cả các hành vi. Quá trình phân tích dữ liệu định tính của nghiên cứu định tính sẽ bao gồm nghiên cứu các dữ liệu dạng chữ, tìm mối liên hệ giữa nhóm dữ liệu này với các nhóm dữ liệu khác và phân tích lại các dữ liệu dạng chữ. Từ đó, nhóm nghiên cứu có thể hiểu được ý nghĩa sâu xa của những dữ liệu (OCD, 2021). Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn sâu để nghiên cứu về đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thương mại trường Đại học Ngoại thương trong bối cảnh đại dịch Covid-19”.

5.2. Quy trình thực hiện phương pháp nghiên cứu

Về cách chọn mẫu phỏng vấn, nhóm nghiên cứu lựa chọn những bạn sinh viên các khóa (từ khóa 56 đến khóa 60) khoa tiếng Anh thương mại, trường đại học Ngoại thương. Số lượng mẫu lựa chọn để phỏng vấn gồm 15 mẫu. Hình thức tiến hành phỏng vấn là hình thức phỏng vấn trực tuyến qua nền tảng Zoom và có bản ghi.

5.3. Quá trình phỏng vấn

- Liên hệ người tham gia phỏng vấn
- Sắp xếp lịch phỏng vấn: dựa vào thời gian thuận tiện cho cả người phỏng vấn và người phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã chọn 2 ngày cuối tuần dành cho việc phỏng vấn và thu thập dữ liệu
- Phỏng vấn cá nhân: gửi link phòng họp để có thể phỏng vấn từng người và không bị trùng thời gian
- Thời gian phỏng vấn: chia các ca phỏng vấn sao cho phù hợp với lịch của người phỏng vấn và người phỏng vấn

5.4. Xử lý dữ liệu phỏng vấn

Sau khi thực hiện phỏng vấn thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu thực hiện phân tích dữ liệu bằng việc sắp xếp, giải thích ý nghĩa của dữ liệu thu được từ phỏng vấn, cụ thể:

- Bước 1: Thu thập dữ liệu
 - Nhóm nghiên cứu trong quá trình phỏng vấn và xem lại bản ghi đã nhập và ghi lại thông tin các câu trả lời một cách cụ thể bằng cách sử dụng văn bản gõ bằng chỉ tiết. Các câu trả lời được ghi lại trong bảng theo tên của từng sinh viên để tạo thuận lợi cho quá trình phân tích và so sánh.
- Bước 2: Phân tích và thu gọn dữ liệu
 - Nhóm nghiên cứu đã tổng hợp lại tần suất được đề cập trong các câu trả lời thông qua bảng tổng hợp kết quả.
- Bước 3: Kết luận và viết báo cáo

6. Kết quả nghiên cứu

6.1. Thực trạng các nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM

Trong bối cảnh học tập trực tuyến, sinh viên cũng phải đối mặt với các vấn đề làm giảm khả năng tham gia của bản thân. Từ dữ liệu phỏng vấn thu được, sinh viên đều có đầy đủ cơ sở vật chất như thiết bị học tập gồm máy tính, điện thoại, mạng Internet để tham gia học trực tuyến. Trong quá trình học trực tuyến, có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM. Trong đó, nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM chính là ý thức của người học hay ý thức của bản thân mỗi sinh viên khi tham gia học trực tuyến. Ý thức của sinh viên bao gồm sự nhận thức cũng như thái độ, hành vi của sinh viên được thể hiện trong quá trình học. Từ kết quả phỏng vấn, có thể rút ra hầu hết sinh viên không thể tự chủ trong việc học tập trực tuyến.

Bên cạnh đó, nhân tố trạng thái thể chất hay sức khỏe cũng ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM. Điều này cũng đã thể hiện rõ sự khác biệt giữa thái độ của sinh viên đối với việc học trực tuyến và thái độ đối với các lớp học truyền thống. Đa số người tham gia phỏng vấn bày tỏ xu hướng thích học trực tuyến vì tiết kiệm

được thời gian, tiền bạc, công sức đi lại, có thời gian tập thể dục ở nhà và có thể hạn chế khả năng bị lây nhiễm do dịch bệnh gây ra. Tóm lại, sức khỏe của sinh viên được đảm bảo hoặc cải thiện khi tham gia học trực tuyến, điều này sẽ giúp cho sinh viên có trạng thái tốt khi học tập.

6.2. Thực trạng các nhân tố khách quan ảnh hưởng đến khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành TATM

6.2.1. Yếu tố kỹ thuật

Theo kết quả phỏng vấn chuyên sâu, yếu tố kỹ thuật là nhân tố được cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến khả năng tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM. Nhóm nghiên cứu dựa trên kết quả phỏng vấn và tổng kết lại nhóm nhân tố này bao gồm: Mạng Internet/ Dữ liệu mạng; Mạng lưới điện; Khả năng tiếp cận thiết bị điện tử (tiếp cận với máy tính/điện thoại thông minh/ thiết bị điện tử thông minh khác, tiếp cận với sự hỗ trợ kỹ thuật từ phía nhà trường); Yếu tố phần mềm và phần cứng của các ứng dụng phục vụ việc học trực tuyến

Tất cả sinh viên tham gia phỏng vấn (15/15 sinh viên) đều đồng ý yếu tố kỹ thuật là một nhân tố ảnh hưởng nhiều và rõ nét tới việc tham gia vào lớp học trực tuyến. Trong đó, 3/15 sinh viên đánh giá đây là nhân tố ảnh hưởng xấu nhiều nhất, và 10/15 sinh viên đồng ý là nhân tố này ảnh hưởng ít nhất và có khả năng khắc phục được. Cụ thể, những cụm từ được sinh viên đề cập “đường truyền/kết nối mạng”, “chất lượng mạng”, “mạng lag”, “mất điện”. Lỗi kỹ thuật liên quan đến phần mềm và phần cứng của công cụ học trực tuyến cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên với những cụm từ được ghi lại như sau: “lỗi Teams”, “mất điểm danh vì lỗi app”, “nộp bài thi chậm do lỗi app”. Tuy nhiên yếu tố này không được đề cập nhiều (2/15 sinh viên). Lí do có thể suy ra từ việc lỗi ứng dụng và trục trặc kỹ thuật không thường xuyên xảy ra và chỉ mang tính thiểu số.

Bên cạnh đó, theo dữ liệu thu thập được, nhân tố này cũng có những ảnh hưởng tích cực đến quá trình tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM. Với xu hướng đột ngột chuyển sang học trực tuyến hoàn toàn do dịch Covid-19 bùng phát, tất cả các sinh viên chuyển về nơi sinh sống, phần lớn chuyển về sống với gia đình, vì thế nên khả năng tiếp cận với những công cụ công nghệ thông minh cũng như là hỗ trợ kỹ thuật từ phía nhà trường sẽ thay đổi. Tuy nhiên, tất cả các sinh viên tham gia phỏng vấn đều hài lòng về khả năng tiếp cận công cụ học tập của mình cũng như sự hỗ trợ kỹ thuật kịp thời từ phía nhà trường (hỗ trợ về tài khoản học tập, về trục trặc chứng thực nộp bài thi). Đồng thời, những ứng dụng học tập trực tuyến có thiết kế thân thiện với người dùng, nội dung sáng tạo cũng làm tăng động lực tham gia học trực tuyến của sinh viên. Thiết kế thu hút, thân thiện, sáng tạo, màu sắc hài hòa khuyến khích xây dựng một môi trường học trực tuyến hiệu quả cho cả sinh viên và giảng viên. So sánh học trực tuyến với học truyền thống. Điều này có liên quan trực tiếp đến thiết kế nội dung của ứng dụng học trực tuyến. Theo kết quả phỏng vấn, các sinh viên tham gia đều hài lòng với giao diện và chức năng mà phần mềm được trường thống nhất sử dụng trong quá trình học trực tuyến. Nếu ấn tượng về giao diện sử dụng ứng dụng học tập này không tốt, quá trình tham gia học trực tuyến về sau của sinh viên sẽ bị ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực.

Dựa vào những nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn và thu lại được dữ liệu với ý kiến về những phần mềm học tập được nhà trường áp dụng trong chương trình học. Từ Zoom, Classroom của Google đến phần mềm hiện tại được đồng nhất sử dụng là Microsoft Teams; ngoài ra, các phần mềm hoặc trang web được các thầy cô khoa tích hợp vào chương trình học đều nhận được phản ứng tích cực (Kahoot!, Quizizz). Sinh viên cho rằng những phần mềm được các giảng viên sử dụng này khiến cho tiết học trực tuyến năng suất và hứng khởi hơn.

Vấn đề thuộc lĩnh vực kiến thức số của giảng viên và sinh viên là khả năng sử dụng và giải quyết các vấn đề liên quan đến công nghệ. Trong quá trình tham gia vào một lớp học trực tuyến, vấn đề kỹ thuật là vấn đề ảnh hưởng nhiều và rõ nét nhất, vậy nên khả năng xử lý kỹ thuật kịp thời của giảng viên sẽ là một điểm cộng, tránh để tiết học không chuyên nghiệp và tránh mất thời gian của người giảng lẫn người học. Phỏng vấn ghi nhận lại một trường hợp có nhắc đến việc thiếu kỹ năng giải quyết vấn đề kỹ thuật của giảng viên làm ảnh hưởng không tốt đến những tiết học trực tuyến. Cụ thể, giảng viên chưa khắc phục được lỗi đường truyền mạng trong nhiều buổi học, hay việc tích hợp những công cụ khác vào lớp học để tăng tính năng suất thì chưa thành thạo.

Nhìn chung, vấn đề kỹ thuật ảnh hưởng lớn nhất đến việc tham gia vào một lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM. Sinh viên trong tình hình COVID-19 phải phụ thuộc lớn vào thiết bị công nghệ dành cho việc học. Với những trục trặc xảy ra xoay quanh vấn đề công nghệ này gây trở ngại trực tiếp cho việc tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên.

6.2.2. Môi trường học trực tuyến

Môi trường học trực tuyến được nhóm nghiên cứu tìm hiểu và định nghĩa là: Không gian hỗ trợ học tập trực tuyến và các nhân tố liên quan trực tiếp và gián tiếp đến không gian đó. Đối với các sinh viên, không gian hỗ trợ ở đây đều là nhà ở với gia đình. Có thể thấy, tình hình dịch Covid-19 gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường học trực tuyến của sinh viên, bởi đây là lí do mà sinh viên chuyển từ môi trường học truyền thống (lớp học trực tiếp) sang một môi trường học trực tuyến tại gia. Về không gian học trong thời gian học trực tuyến, có đến 12/15 sinh viên tham gia phỏng vấn đều cho rằng môi trường học tại nhà hoặc ở phòng trọ gây khó khăn cho việc theo dõi và tiếp thu kiến thức của sinh viên. Khi học tập tại nhà, các sinh viên nhận định rằng: mất tập trung do những tác động từ môi trường với các “tác động” được nhắc đến là: “tiếng ồn từ hàng xóm sửa nhà/hát karaoke”, “phải trông em”, “chạy ra ngoài nhận hàng”.

Cụ thể hơn, các lý do mà các sinh viên đưa ra như sau: “Do nhà bố mẹ em phải đi làm cả ngày mà lại có em nhỏ nên không giống như trước kia học ở trường, ... bây giờ em còn phải vừa trông em vừa tham gia lớp học online”.

Hoặc:

“Việc điểm danh và tham gia vào các hoạt động tương tác của lớp cũng bị ảnh hưởng khi mà em có lần chạy ra ngoài bắt chột đi lấy đồ mà khó tránh khỏi gọi trả lời mà không thấy đâu, ...”

“Có khi em buồn ngủ quá, cứ nằm trên giường còn để máy treo ở đấy”. Điều này dễ hiểu vì môi trường học thoải mái tại nhà thì không có sự giám sát của giảng viên cũng như sự có mặt ở tại lớp học truyền thống.

Có khoảng một phần ba số sinh viên được phỏng vấn cho rằng vấn đề môi trường học này ảnh hưởng nhiều nhất đến khả năng tham gia lớp học trực tuyến và chỉ có hai bạn cho rằng yếu tố này ít ảnh hưởng do có khả năng khắc phục. Các yếu tố có khả năng khắc phục cụ thể là yếu tố liên quan đến gia đình. Để bố mẹ không gây ảnh hưởng đến việc học trực tuyến, các bạn sinh viên sẽ thông báo với bố mẹ về việc học trực tuyến của mình và vì thế được thông cảm cũng như không gây mất tập trung trong tiết học nữa.

Một điểm đáng chú ý là nhân tố môi trường này ngoài tác động tiêu cực đến việc tham gia lớp học của sinh viên nhưng đồng thời cũng ảnh hưởng gián tiếp đến tinh thần học tập của các bạn đó. Sự hỗ trợ từ phía gia đình, đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh này, đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết để giúp sinh viên tập trung tham gia một lớp học trực tuyến. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của gia đình có thể là con dao hai lưỡi khi đặt trong bối cảnh môi trường học mới này. Một mặt, việc sống với gia đình có thể thúc đẩy việc tham gia tiếp thu kiến thức trực tuyến nhưng mặt khác, sinh viên cũng có thể cảm thấy quá ngột ngạt và ảnh hưởng tâm lý, dẫn đến ảnh hưởng xấu đến việc tham gia lớp học trực tuyến.

Đây đều là thực tế ảnh hưởng của môi trường học trực tuyến đến khả năng tham gia vào lớp học của sinh viên. Các bạn sinh viên tham gia phỏng vấn đều cho rằng nhân tố này ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào lớp học trực tuyến với mức độ ảnh hưởng trực tiếp (trực tiếp khiến sinh viên phải rời khỏi phòng học trực tuyến và tham gia một hành động khác).

6.2.3. Khả năng tương tác với bạn bè

Ở nhân tố này, khả năng tương tác với bạn bè được nhóm nghiên cứu chia làm hai khía cạnh: tương tác ngẫu nhiên trên lớp học trực tuyến và tương tác giữa thành viên trong một nhóm (teamwork). Nhìn chung, chỉ có một bạn sinh viên cho rằng nhân tố này ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình học tập và tiếp thu kiến thức của bạn trong bối cảnh trực tuyến, với hai bạn khác cho rằng đây là yếu tố ít ảnh hưởng nhất. Cụ thể hơn, 9/15 sinh viên khoa TATM cho rằng việc tương tác với bạn bè trong bối cảnh học trực tuyến đã chuyển biến xấu và bất tiện hơn so với lớp học truyền thống, trong khi số còn lại đều cho là hiệu quả không thay đổi. Một động thái trái chiều khi có hai bạn nhận định: nhờ các ứng dụng được vận dụng mà nhóm làm việc rất hiệu quả, tốt hơn học trực tiếp.

Vấn đề tương tác ngẫu nhiên trên lớp trực tuyến khác với truyền thống là điều không thể tránh khỏi. Sinh viên không thể tương tác cùng bạn học các kỹ năng đặc biệt của khoa TATM, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói trong những môn học chuyên ngành tương ứng. Việc học hai kỹ năng này thông qua giao tiếp bị hạn chế rõ rệt, ghi nhận là “chia vào phòng nhỏ nhưng các bạn không ai lên tiếng luyện tập”. Tuy nhiên vẫn có những bạn còn lại chia sẻ rằng mạng lưới bạn bè khi học trực tuyến mở rộng hơn dù chỉ là nhờ chia nhóm ngẫu nhiên qua lớp học trực tuyến. Kết lại, nếu lớp học truyền thống được đặt trên bàn cân với lớp học trực tiếp dựa vào yếu tố tạo động lực, thì sinh

viên khoa TATM xác định rằng việc giao tiếp, liên lạc với bạn bè để hỏi các vấn đề liên quan đến học tập hay lĩnh vực liên quan sẽ hiệu quả hơn nhiều khi học trực tiếp.

Bên cạnh đó, khía cạnh tương tác giữa các thành viên nhóm là vấn đề lớn hơn, với từ khóa “teamwork” (làm việc nhóm) khi nhắc đến nhân tố này chiếm 12/15 số sinh viên tham gia phỏng vấn. Các sinh viên cho rằng, hiệu quả “teamwork” giữa các thành viên bị giảm đáng kể do “giao tiếp qua điện thoại khó khăn”, “chưa quen nhau nên còn ngại bày tỏ ý kiến”, “làm nhóm mà không gặp mặt nhau lần nào”. Phân loại và gọi tên những khó khăn mà các bạn gặp phải trong vấn đề làm việc nhóm trực tuyến, nhóm nghiên cứu nhận thấy có hai nhóm ảnh hưởng chính: việc học trực tuyến gây khó khăn cho việc giao tiếp với các thành viên trong nhóm và việc học trực tuyến gây khó khăn trong việc liên lạc và hẹn thời gian thảo luận cùng những bạn học khác, đặc biệt là những sinh viên chuẩn bị ra trường. Mặc dù nhóm trưởng có đưa ra những nội dung, đầu việc cụ thể kèm thời gian nhưng việc chú ý và hiểu rõ nội dung của một buổi họp trực tuyến vẫn còn chưa chất lượng do không có sự tập trung giao tiếp với nhau mặt đối mặt. Phản ánh lại, các bạn sinh viên cho biết: “liên lạc với các anh chị năm 4 rất khó vì mọi người đều bận”, “nếu như học trực tiếp, nhóm có thể hẹn luôn sau tiết học để họp nhưng học trực tuyến thì mọi người đều bận sau đó, như là ăn cơm, nghỉ ngơi nên khó hẹn thời gian cụ thể”.

Như vậy, có thể thấy rằng, nhân tố tương tác với bạn bè trong quá trình học trực tuyến ảnh hưởng gián tiếp tới khả năng tham gia lớp học của sinh viên khoa TATM. Một mặt, đây là nguyên nhân gây giảm sút sự hứng thú của sinh viên tham gia lớp học. Mặt khác, cũng có một số bạn sinh viên hài lòng với việc tương tác này và cho rằng nó không ảnh hưởng quá nhiều. Theo phỏng vấn, đây không phải là một nhân tố được đánh giá là ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM.

6.2.4. Giảng viên

Nhân tố giảng viên được đánh giá là ảnh hưởng gián tiếp đến khả năng tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM. Nhóm nghiên cứu xác định nhân tố giảng viên ảnh hưởng đến việc tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên qua hai khía cạnh: khả năng tương tác với sinh viên và phong cách giảng dạy của giảng viên. Nhìn chung, có đến 8/15 sinh viên khoa TATM tham gia phỏng vấn cho nhận định rằng nhân tố giảng viên trong bối cảnh học trực tuyến có ảnh hưởng tích cực đến quá trình nhận thức và hứng thú tham gia một lớp học trực tuyến; trong đó có ba (03) bạn nhận định việc tương tác của giảng viên là như lớp học truyền thống. Bên cạnh đó có đến bảy (07) sinh viên cho rằng việc tương tác với giảng viên trong quá trình học trực tuyến còn khó khăn. Cụ thể, nhìn vào khía cạnh tương tác với giảng viên, một số nhận định là “khó khăn hơn”, khó lấy được sự chú ý từ giảng viên nếu muốn giơ tay phát biểu khi mà “mục giờ tay trên Teams hiện những bạn giơ tay lần lượt mà ghi nhận được nên thường cô chỉ gọi những bạn đầu tiên giơ tay”.

Tuy nhiên, những nhận định cho rằng việc tương tác với giảng viên được cải thiện là nhân tố ảnh hưởng tích cực trong việc tham gia lớp học trực tuyến: “đỡ ngại hơn khi giơ tay”, “phát biểu thì được cô dễ phát hiện hơn do nhấn vào biểu tượng”... Rõ ràng, với những trường hợp sinh viên còn ngại, gặp trở ngại với giao tiếp trực tiếp người với người thì học trực tuyến là công cụ hỗ trợ giao tiếp khá là hữu ích, cụ thể ở đây là phát biểu ý kiến trong lớp học. Đồng thời về khía cạnh hỏi

đáp hỗ trợ sau tiết học trên lớp, các sinh viên tham gia phỏng vấn không nhắc đến nhiều, một hai ý kiến cho rằng việc hỏi các giảng viên trước đây là trực tiếp hỏi sau tiết học truyền thống đã chuyển sang thành hình thức nhắn tin hỏi đáp. Tuy nhiên, vấn đề này không có ảnh hưởng gì đến việc tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên.

Khía cạnh thứ hai mà nhân tố giảng viên thể hiện ảnh hưởng là phong cách giảng dạy. Chỉ có 4/15 sinh viên khoa TATM nhận định việc giảng dạy của một vài thầy cô ảnh hưởng tiêu cực đến việc tham gia vào lớp học trực tuyến của vài bộ môn đó. Phong cách giảng dạy mà các bạn miêu tả sẽ có những điểm chung là “dạy trực tuyến nhưng giống hệt dạy trên lớp, đặc biệt những môn chính trị”, “chỉ giao bài tập rồi giao hạn chứ không giảng nhiều”. Bên cạnh đó, số còn lại cho rằng việc giảng dạy tích hợp nhiều tương tác, hỏi đáp giữa giảng viên với sinh viên sẽ khiến cho các bạn tập trung hơn, “không còn treo máy vì cô có thói quen đặt câu hỏi mục đích điểm danh và kiểm soát lớp học luôn”. Thậm chí sinh viên còn cảm thấy hào hứng hơn với tiết học khi phương pháp giảng dạy tích hợp những ứng dụng học tập “Kahoot!, Quizizz” hay những câu hỏi phát biểu nhận điểm cộng.

Nhân tố giảng viên xét có xu hướng ảnh hưởng tích cực nhiều hơn so với ảnh hưởng tiêu cực. Việc này chứng tỏ các giảng viên của khoa có tìm hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng sư phạm để thích ứng với điều kiện học tập mới của bối cảnh đại dịch COVID-19. Tuy nhiên để đánh giá mức độ và lý giải nguyên do, cần có những nghiên cứu sâu hơn dành riêng cho giảng viên.

6.2.5. Chương trình học tập giảng dạy

Yếu tố chương trình học tập giảng dạy là một nhân tố khác ảnh hưởng gián tiếp đến việc tham gia vào lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM. Yếu tố này chịu sự chi phối của khoa và nhà trường, nhóm nghiên cứu xác định những thành phần trong chương trình học như sau:

1. Những sự thay đổi trong việc sắp xếp đổi mới các bộ môn khoa TATM
2. Những sự thay đổi trong giáo trình và tài liệu học tập giảng dạy
3. Quy định và quy chế quản lý lớp học của giảng viên
4. Sự điều phối và hỗ trợ học tập của nhà trường.

Qua phỏng vấn chuyên sâu, có thể thấy 8/15 sinh viên khoa TATM tham gia đều nhận thấy sự thay đổi theo chiều hướng tích cực của nhân tố chương trình học đối với việc tham gia vào lớp học trực tuyến, số còn lại còn chưa hài lòng về một số điểm trong việc tổ chức chương trình học, giáo trình tài liệu cũng như là những quy chế quản lý lớp học của giảng viên xét trong khối đồng nhất là khoa TATM.

Những bạn sinh viên nhận định xu hướng ảnh hưởng tích cực từ chương trình học có điểm chung là: “hệ thống giao bài tập dễ tiếp cận cho sinh viên và dễ đánh giá cho giảng viên”, “công tâm hơn khi mà đánh giá thành viên làm việc nhóm vì đánh giá kín”. Ngoài ra, đánh giá về phương pháp hỗ trợ sinh viên học tập, các sinh viên tham gia phỏng vấn có đề cập đến “lượng tài liệu khi học trực tuyến phong phú và nhiều hơn”, “chương trình dạy được thay đổi tích cực hơn khi mà có linh động một số phương thức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ sao cho phù hợp với học trực tuyến”.

Mặt khác, 7/15 sinh viên còn chưa hài lòng về vấn đề chương trình học, ghi nhận qua một số nhận định: “chương trình học bị xa rời thực tế”, “phương thức điểm danh khó khăn”. Phong cách giảng dạy của các thầy cô gây nhiều sự mệt mỏi cho các sinh viên khi mà “có những thầy cô cho record, có môn lại không được”, “nhà trường hỗ trợ sinh viên trong việc trực trực trong việc nộp bài thi chưa kịp thời, còn thầy cô thì chưa thông cảm do không nắm bắt được sinh viên nói dối hay nói thật”.

Không có nhận định cho rằng nhân tố này gây ảnh hưởng lớn nhất hay nhỏ nhất đến việc tham gia lớp học trực tuyến, và bởi vì những khía cạnh chỉ phối bởi nhân tố này khá rộng với bốn khía cạnh nên sự tập trung của các sinh viên còn dàn trải trên bốn khía cạnh này. Mỗi một khía cạnh đều sẽ ảnh hưởng khác nhau tới từng sinh viên. Tuy nhiên nhân tố chương trình học được nhận định không ảnh hưởng quá nhiều đến việc tham gia vào một lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM.

7. Kết luận

Từ kết quả phỏng vấn thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình học trực tuyến và ảnh hưởng những nhân tố ấy đến khả năng tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp, phân tích những thông tin thu được và có những tổng kết lại như sau:

Sáu nhân tố chính ảnh hưởng đến khả năng vào lớp học trực tuyến của sinh viên khoa TATM gồm một (01) nhân tố chủ quan và năm (05) nhân tố khách quan:

1. Ý thức của sinh viên (Nhân tố chủ quan)
2. Nhân tố kỹ thuật (Nhân tố khách quan)
3. Nhân tố môi trường học trực tuyến (Nhân tố khách quan)
4. Nhân tố khả năng tương tác với bạn bè (Nhân tố khách quan)
5. Nhân tố giảng viên (Nhân tố khách quan)
6. Nhân tố chương trình học tập giảng dạy (Nhân tố khách quan)

Các sinh viên có xu hướng nhắc về những nhân tố chủ quan ít hơn khi đánh giá ảnh hưởng tích cực đến quá trình tham gia lớp học trực tuyến. Nhân tố khách quan lại được nhắc đến và giải thích nhiều hơn do dễ dàng chỉ ra qua quá trình trải nghiệm lớp học trực tuyến. Tuy nhiên để chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng lớn nhất chỉ các nhân tố được chỉ ra là nhân tố kỹ thuật và nhân tố về môi trường học. Tham gia phỏng vấn, sinh viên cho rằng việc tương tác với bạn bè và giảng viên ảnh hưởng đến hứng thú trong tham gia lớp học trực tuyến đó không với phần lớn bày tỏ thái độ tiêu cực với nhân tố này. Trong khi đó, hầu hết sinh viên tham gia phỏng vấn cho rằng phương pháp giảng dạy của giảng viên khoa linh động và phù hợp hơn với tình hình học trực tuyến. Một nhân tố quan trọng nữa là chương trình học, bên cạnh một nửa số sinh viên chưa hài lòng về những sự thay đổi của chương trình học để đáp ứng tình huống chuyển sang học trực tuyến, cho rằng chương trình học không hiệu quả thì số còn lại nhận định có những thay đổi và cái lợi mà chương

trình học mới này đem lại. Từ đó thay đổi hành vi thái độ của sinh viên khoa TATM đối với học trực tuyến.

Một vấn đề đặc trưng ảnh hưởng đến việc học trực tuyến của sinh viên khoa Tiếng Anh thương mại là chương trình học và giảng dạy. Chương trình học của khoa đặc trưng hơn khoa khác của trường Đại học Ngoại thương ở những kỹ năng yêu cầu giao tiếp và trao đổi trực tiếp như kỹ năng nghe, nói, phiên dịch trực tiếp. Các kỹ năng muốn được hình thành thì phải có sự trau dồi rèn luyện. Tuy nhiên nếu quá trình rèn luyện thiếu sự chỉ dẫn cụ thể thì không còn mang lại hiệu quả cho sinh viên khoa TATM. Vì thế việc kết hợp chương trình dạy và phương pháp dạy phải liên kết và đổi mới nhất định vì hiện tại chưa tối ưu đối với các sinh viên khoa TATM đã và đang theo học những bộ môn này. Do đó, việc đề xuất các hướng giải pháp hỗ trợ sinh viên để nâng cao khả năng tham gia lớp học trực tuyến là cần thiết trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp như hiện nay, kể cả trong tương lai gần đối mặt với tình hình hậu đại dịch.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và thúc đẩy động lực học tập của sinh viên tại trường Đại học Ngoại thương, nhóm nghiên cứu căn cứ vào kết quả nghiên cứu, đề ra các nhóm giải pháp. Trong đó, trường Đại học Ngoại thương cần chú ý (1) kết hợp và linh hoạt hình thức giảng dạy, (2) thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên bằng các hình thức hỗ trợ (học phí, điểm rèn luyện...), (3) đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực, (4) tăng cường tính cạnh tranh phát triển trong học tập. Thứ nhất, về hình thức giảng dạy, nhà trường cần trang bị máy tính và máy chiếu để phục vụ cho việc học tập. Đồng thời, nhà trường có thể cân nhắc kết hợp hình thức thi, kết hợp lý thuyết, bài tập và tình huống thực tế để sinh viên vừa áp dụng kiến thức đã được học mà không phụ thuộc vào google. Thứ hai, nhà trường cùng sinh viên cần có sự kết hợp, tương tác để xác định được động cơ học tập của sinh viên thông qua các gói hỗ trợ, miễn giảm học phí và các hội thảo trực tuyến với đa dạng. Cuối cùng, nhà trường, khoa và giảng viên cũng cần có những đổi mới về phương pháp đánh giá kết quả học tập khi kết thúc hình thức dạy và học kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

Bên cạnh Nhà trường, giảng viên cũng là một trong những đối tượng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng tham gia học trực tuyến của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại. Vì vậy, nhóm nghiên cứu xin phép được đề xuất một số giải pháp đối với giảng viên nhằm góp phần cải thiện chất lượng học tập của sinh viên dựa trên các yếu tố sau: (1) Kỹ thuật, (2) phong cách giảng dạy, (3) phương pháp đánh giá sinh viên và (4) sự tương tác với sinh viên. Thứ nhất, về yếu tố kỹ thuật, giảng viên cần cải thiện khả năng tiếp cận với máy tính/điện thoại thông minh/ thiết bị điện tử thông minh khác cũng như đảm bảo các yếu tố phần mềm và phần cứng của các ứng dụng phục vụ việc học trực tuyến. Thứ hai, về khía cạnh phong cách giảng dạy, nhóm sẽ chia thành hai mục nhỏ là nội dung chương trình học tập giảng dạy và phương pháp giảng dạy. Cụ thể, nội dung chương trình học tập giảng dạy bám sát chương trình đào tạo, có tính liên kết với nhau và mang tính ứng dụng thực tiễn cao. Thứ ba, khi đề cập đến việc đánh giá sinh viên, vấn đề xuất xoay quanh hoạt động điểm danh và cộng điểm cho sinh viên. Cuối cùng, để đẩy mạnh tương tác giữa giảng viên với học viên, giảng viên có thể chia sẻ, khuyến khích và phản hồi sinh viên một cách sớm nhất có thể.

Về phía sinh viên, nhóm nghiên cứu sẽ đưa ra một số giải pháp đối với sinh viên nhằm cải thiện khả năng tham gia lớp học trực tuyến của họ theo lần lượt bốn khía cạnh sau: (1) Kỹ thuật, (2) môi trường học trực tuyến, (3) khả năng tương tác với bạn bè và giảng viên và (4) một số những giải pháp khác xoay quanh quá trình học tập. Trước hết, về kỹ thuật, việc chuẩn bị đường truyền mạng ổn định bằng cách chủ động cài gói 3G hoặc 4G hoặc di chuyển địa điểm học tập đến những nơi có đường truyền mạng ổn định là điều cần thiết. Thứ hai, về môi trường học trực tuyến, sinh viên cần sắp xếp không gian học tập sạch sáng, sáng sủa, và yên tĩnh để học tập một cách hiệu quả. Thứ ba, về khả năng tương tác với bạn bè và giảng viên, sinh viên có thể chủ động đặt câu hỏi cho giảng viên, cải thiện kỹ năng làm việc nhóm. Cuối cùng là một số giải pháp khác xoay quanh quá trình học tập. Trước tiên, sinh viên cần trang bị cho mình một sức khỏe thể chất và tinh thần tốt để học tập. Thứ hai, xuyên suốt quá trình học tập từ trước, trong và sau buổi học, sinh viên cần có sự chủ động đọc trước tài liệu, tập trung tiếp nhận kiến thức, chủ động ôn lại bài cũ, lên kế hoạch học tập tuần mới và thường xuyên kiểm tra thông báo từ trường và lớp.

Trên đây là những đề xuất, kiến nghị mà nhóm nghiên cứu đưa ra trên ba phương diện: (1) Giải pháp đối với Nhà trường, (2) giải pháp đối với giảng viên, và (3) giải pháp đối với sinh viên. Thông qua những giải pháp trên, nhóm nghiên cứu có thể góp phần cải thiện và làm tăng khả năng tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương nói chung và sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại nói riêng.

8. Tài liệu tham khảo

Adnan, M. (2020), “Online learning amid the COVID-19 pandemic: Students perspectives”, *Journal of Pedagogical Sociology And Psychology*, Vol. 1 No. 2, pp. 45-51.

Al-Kumaim, N., Alhazmi, A., Mohammed, F., Gazem, N., Shabbir, M., & Fazea, Y. (2021), “Exploring the Impact of the COVID-19 Pandemic on University Students’ Learning Life: An Integrated Conceptual Motivational Model for Sustainable and Healthy Online Learning” *Sustainability*, Vol. 13 No. 5, pp. 2546.

Andrew, L., Wallace, R., & Sambell, R. (2021), “A peer-observation initiative to enhance student engagement in the synchronous virtual classroom: A case study of a COVID-19 mandated move to online learning”, *Journal Of University Teaching And Learning Practice*, Vol.18 No. 4, pp. 184-205.

Ahshan, R. (2021), “A framework of implementing strategies for active student engagement in remote/online teaching and learning during the COVID-19 pandemic”, *Education Sciences*, Vol. 11 No. 9, pp. 483.

Babinčáková, M., & Bernard, P. (2020), “Online Experimentation during COVID-19 Secondary School Closures: Teaching Methods and Student Perceptions” *Journal Of Chemical Education*, Vol. 97 No. 9, pp. 32953300.

Bahrudin, U., & Febriani, S. R. (2020), “Student’s perceptions of Arabic online learning during COVID-19 emergency”, *Journal For The Education Of Gifted Young Scientists*, pp. 1483-1492.

Baloran, E. T., & Hernan, J. T. (2021), “Course satisfaction and student engagement in online learning amid COVID-19 pandemic: A structural equation model” *Turkish Online Journal of Distance Education*, Vol.22 No. 4, pp. 1 - 12.

Bawaneh, A. (2020), “The satisfaction level of undergraduate science students towards using e-learning and virtual classes in exceptional condition covid-19 crisis”, *Turkish Online Journal Of Distance Education*, Vol. 22 No. 1, pp. 52–65.

Bowden, J., Tickle, L., & Naumann, K. (2019), “The four pillars of tertiary student engagement and success: a holistic measurement approach” *Studies In Higher Education*, Vol. 46 No. 6, pp. 1207-1224.

Bùi, D., Nguyễn, P., Trương, N. (2021), “Một số khó khăn của sinh viên khi học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19”

Chen, W. L., & Chan, Y. W. (2022), “Can higher education increase students’ moral reasoning? The role of student engagement in the US” *Journal of Moral Education*, Vol. 51 No.2, pp. 169-185.

Coman, C., Țîru, L. G., Meseșan-Schmitz, L., Stanciu, C., & Bularca, M. C. (2020), “Online teaching and learning in higher education during the coronavirus pandemic: Students’ perspective”, *Sustainability*, Vol. 12 No. 24, pp. 10367.

Công Ty Tư Vấn Quản Lý OCD. (2021), “4 phương pháp phỏng vấn sâu hữu dụng nhất trong nghiên cứu định tính”, <https://ocd.vn/4-phuong-phap-phong-van-huu-dung-nhat-trong-nghien-cuu-dinh-tinh/>, truy cập ngày 23/6/2021

Dhawan, S. (2020), “Online Learning: A Panacea in the Time of COVID-19 Crisis”, *Journal Of Educational Technology Systems*, Vol. 49 No. 1, pp. 5-22.

Đặng, H., Trần, T., Nguyễn, Q., Đoàn, H., & Nguyễn, T. (2020), “Các yếu tố rào cản trong việc học Online của sinh viên Khoa Du lịch–Đại học Huế”, *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, Vol. 129 No. 5C, pp. 63-80.

Fidalgo, P., Thormann, J., Kulyk, O., & Lencastre, J. A. (2020), “Students’ perceptions on distance education: A multinational study” *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, Vol. 17 No. 1.

Finnegan, M. (2021), “The Impact on Student Performance and Experience of the Move from Face-to-face to Online Delivery in Response to COVID-19: A Case Study in an Irish Higher Education Institute” *All Ireland Journal of Higher Education*

Hu, M. & Li, H. (2017), “Student engagement in online learning: A review”, *2017 International Symposium on Educational Technology (ISET)*, pp. 39-43.

Hu, M., Li, H., Deng, W. & Guan, H. (2016), “Student engagement: one of the necessary conditions for online learning”, *2016 International Conference on Educational Innovation through Technology (EITT)*, pp. 122-126.

Kalman, R., Macias Esparza, M., & Weston, C. (2020), “Student views of the online learning process during the COVID-19 pandemic: A comparison of upper-level and entry-level undergraduate perspectives” *Journal of Chemical Education*, Vol. 97 No. 9, pp. 3353-3357.

Kanik, M. (2021) “Students' Perception of and Engagement in Reactive Online Education Provided during the COVID-19 Pandemic” *International Online Journal of Education and Teaching*, Vol. 8 No. 2, pp. 1063-1082.

Kang, M. & Duong, A. (2021), “Student Perceptions of First-time Online Learning During the COVID-19 Pandemic in Vietnam”, *Inquiry in education*, Vol. 13 No. 1, pp. 8.

Kentnor, H.E. (2015), “Distance education and the evolution of online learning in the United States”, *Curriculum and teaching dialogue*, Vol. 17 No. 1, pp. 21-34.

Kordrostami, M. & Seitz, V. (2021), “Faculty online competence and student affective engagement in online learning”, *Marketing Education Review*, pp. 1-15.

Krishnapillai, M. (2004), “The future of learning: From eLearning to mLearning”, *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, Vol. 5 No. 1.

Le, H. T. & Truong, C. T. T. (2021), “Tertiary Students’ Perspectives on Online Learning During Emergency Remote Teaching in the Context of Covid-19: A Case Study”, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, Vol. 533, pp. 203-210.

Li, L. & Zhang, J. (2021), “Successful Online Learning Experience: Perceptions of Chinese Undergraduate Students”, *Journal of Education and Learning*, Vol. 10 No. 1, pp. 74-81.

Lữ, T. M. O. & Nguyễn, T. N. T. (2021), “Đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19”, *VNU Journal of Science: Education Research*, Vol. 37 No. 1, pp. 92-101.

Malan, M. (2020), “Engaging students in a fully online accounting degree: an action research study”, *Accounting Education*, Vol. 29 No. 4, pp. 321-339.

McGuinness, C. & Fulton, C. (2019), “Digital literacy in higher education: A case study of student engagement with e-tutorials using blended learning”, *Journal of Information Technology Education: Innovations in Practice*, Vol.18, pp. 001-028.

Thư viện quốc gia Việt Nam. (2019), “Mô hình và khung kiến thức số”, <https://nlv.gov.vn/nghep-vu-thu-vien/mo-hinh-va-khung-kien-thuc-so.html>, truy cập ngày 5/5/2022

Mustafa, F., Khursheed, A., Rizvi, S. M. U., Zahid, A., & Akhtar, A. (2021), “Factors influencing online learning of university students under the covid-19 pandemic”, *International Journal of Educational Research and Innovation*, Vol. 15, pp. 342-359.

Nkomo, L. M., & Daniel, B. K. (2021), “Sentiment Analysis of Student Engagement with Lecture Recording”, *TechTrends*, Vol. 65 No. 2, pp. 213-224.

Ngo, T. T., Nguyen, T. T. T. & Tran, T. G. (2020), “Influence of Learning by Using Video Conferencing Tools on Perceptions and Attitude of Vietnamese Female Students in COVID-19 Pandemic”, *SSRN*.

Nguyen, T., Cannata, M. and Miller, J. (2016), “Understanding student behavioral engagement: importance of student interaction with peers and teachers”, *The Journal of Educational Research*, Vol. 111 No. 2, pp. 163-174.

Ojo, E. O., & Onwuegbuzie, A. J. (2020), “University Life in an Era of Disruption of COVID-19: A Meta-Methods and Multi-Mixed Methods Research Study of Perceptions and Attitudes of South African Students”, *International Journal of Multiple Research Approaches*, Vol. 12 No. 1.

Pagán, J. E. (2018), *Behavioral, Affective, And Cognitive Engagement Of High School Music Students: Relation To Academic Achievement And Ensemble Performance Ratings*, Ph.D. thesis, USA: University of South Florida.

Patricia Aguilera-Hermida, A. (2020), “College students’ use and acceptance of emergency online learning due to COVID-19”, *International Journal Of Educational Research Open*, Vol.1, pp. 100011.

Phan, T. N. T., Nguyễn, N. T., & Nguyễn, T. P. T. (2020), “Cảm nhận của sinh viên chính quy khi trải nghiệm học trực tuyến hoàn toàn trong thời gian phòng chống dịch COVID-19”, *Proceedings*, Vol. 15 No. 2.

Salas-Pilco, S. Z., Yang, Y., & Zhang, Z. (2022), “Student engagement in online learning in Latin American higher education during the COVID-19 pandemic: A systematic review”, *British Journal of Educational Technology*, Vol. 53 No. 3, pp. 593-619.

Shappie, A. T., & Debb, S. M. (2019), “African American student achievement and the historically Black University: the role of student engagement”, *Current Psychology*, Vol. 38 No.6, pp. 1649-1661.

Singh, V., & Thurman, A. (2019), “How many ways can we define online learning? A systematic literature review of definitions of online learning (1988-2018)”, *American Journal of Distance Education*, Vol. 33 No. 4, pp. 289-306.

Tomaszewski, W., Xiang, N., & Western, M. (2020), “Student engagement as a mediator of the effects of socio-economic status on academic performance among secondary school students in Australia”, *British Educational Research Journal*, Vol. 46 No. 3, pp. 610-630.

Thompson, E. (2021), “History of Online Education”, *TheBestSchools*, <https://thebestschools.org/magazine/online-education-history/>, truy cập 06/05/2022.

Tran, K. M. U. (2021), “The Attitudes Towards Distance Learning of Ton Duc Thang University Students and Teachers”, *Proceedings of the AsiaCALL International Conference - Atlantis Press*, Vol. 533 No. 978-94-6239-343-1, pp. 159–165.

Trịnh, B. (2012), “Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến (E-learning)”, *Tạp chí Khoa học*, No. 40, pp. 86.

Yang, L. H. (2021), “Online Learning Experiences of Irish University Students during the COVID-19 Pandemic”, *All Ireland Journal of Higher Education*, Vol. 13 No. 1.

9. Phụ lục

CÂU HỎI PHÒNG VẤN

- Câu 1** Trong quá trình học trực tuyến, bạn có gặp phải khó khăn gì không? Nếu có, vậy những khó khăn đó là gì? Bạn có thể gọi tên đó là gì không? Những khó khăn ấy đã ảnh hưởng tới khả năng tham gia học trực tuyến của bạn như thế nào? (làm việc nhóm; tương tác với giảng viên, môi trường học tập, thiết bị học tập (máy tính, điện thoại), so sánh sự linh hoạt trong sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên)
- Câu 2** Với những khó khăn đã kể trên, bạn cảm thấy khó khăn nào ảnh hưởng đến bạn nhiều nhất? Khó khăn nào ảnh hưởng ít nhất?
- Câu 3** Bản thân bạn (thói quen, phong cách học tập, tâm trạng, sức khỏe của bạn) có ảnh hưởng như thế nào đến việc tham gia một lớp học trực tuyến? Ví dụ?
- Câu 4** Bên cạnh những trở ngại mà bạn gặp phải, bạn cho rằng học trực tuyến có giúp đỡ việc học tập của bạn phần nào không? Tại sao? (công nghệ mà nhà trường cung cấp, cách giảng dạy của giảng viên, tương tác với giảng viên)
-